

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Trọng Hiếu;
- Ông Nguyễn Văn Tạo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 586/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Cao Quang M, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số A, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông M tổ chức đám cưới năm 1994. Hôn nhân của vợ chồng bà T là do mai mối, tìm hiểu nhau được 01 năm. Vợ chồng có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01, ngày 10/4/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là ông M có quan hệ tình cảm với người khác. Bà T có khuyên nhưng không được, bà T và ông M cũng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà T nhận thấy không thể duy trì hôn nhân với ông M nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Kì D, sinh ngày 04/9/1996 và Cao Quang L, sinh ngày 16/3/2000. Hai con đều đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản là nhà đất tại Khu A, thị trấn C, tỉnh Long An, vợ chồng thống nhất tặng cho con và đã làm thủ tục sang tên con xong nên hiện nay vợ chồng không còn tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Cao Quang M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2023 như sau:

Về thời gian tiến tới hôn nhân và hôn nhân có đăng ký kết hôn, ông M thống nhất với lời trình bày của bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông M xác định là ông M có chung sống với người phụ nữ khác, tuy nhiên, đối với bà T và các con chung của ông M và bà T, ông M vẫn làm tròn trách nhiệm của mình. Ông M không đồng ý ly hôn. Khi nào các con lập gia đình ổn định thì ông M mới quyết định được ly hôn hay không ly hôn.

Về con chung: Ông M thống nhất với lời trình bày của bà T về con chung, Cao Kỳ D, sinh ngày 04/9/1996 và Cao Quang L, sinh ngày 16/3/2000. Các con đã trưởng thành, ông M không yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Đối với nhà đất Khu A, thị trấn C, huyện C, ông M thống nhất với lời trình bày bà T về việc nhà đất đã tặng cho con và hiện nay con đứng tên. Tuy nhiên, bà T đang quản lý số tiền buôn bán tại ki ốt nhà lồng chợ C, số tiền vợ chồng cho người khác vay và bà T có tham gia chơi hụi với người khác. Theo ông M hiện nay số tài sản bà T đang quản lý khoảng 3.000.000.000 đồng, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông M yêu cầu được chia tài sản là số tiền này nhưng ông M không làm đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M có lời khai thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do ông M có quan hệ tình cảm với người khác nhưng ông M không đồng ý ly hôn với bà T. Tuy nhiên, ông M không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Cao Kỳ D, sinh ngày 04/9/1996 và Cao Quang L, sinh ngày 16/3/2000, đều đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung. Ông M trình bày ông và bà T có tài sản chung có giá trị khoảng 3.000.000.000 đồng, nhưng ông M không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: bà T và ông M đều xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Quang M có nơi cư trú tại Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Cao Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông M.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Cao Quang M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/96, quyển số 09 ngày 10/4/1996, nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Về phía ông M, ông M cũng xác định ông đang chung sống với người khác nhưng ông M cho rằng ông M vẫn làm tròn trách nhiệm với gia đình và ông M không đồng ý ly hôn với bà T nhưng ông M không đưa ra giải pháp hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Qua đó có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông M không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Kỳ D, sinh ngày 04/9/1996 và Cao Quang L, sinh ngày 16/3/2000. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, bà T và ông M đều không có yêu cầu gì về con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M trình bày bà T đang quản lý số tiền buôn bán tại ki ốt nhà lồng chợ C, số tiền vợ chồng cho người khác vay và bà T có tham gia chơi hụi với người khác, giá trị tài sản khoảng 3.000.000.000 đồng. Mặc dù ông M đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông M không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và không nộp đơn cho Tòa án. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án chỉ thụ lý và xem xét giải quyết trong phạm vi khởi kiện của đương sự, bà T và ông M không có đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung nên Tòa án không giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Trong trường hợp bà T và ông M có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông M xác định không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Cao Quang M;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Cao Quang M.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002633 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đức sang án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- THADS huyện Cần Đức;
- UBND thị trấn Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân